

Số: 2716 /2015/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động sáng kiến
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 77/TTr-SKHHCN ngày 18/11/2015, Báo cáo thẩm định số 46/BCTĐ-STP ngày 30/10/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử TP, Công báo TP;
- Báo Hải Phòng, Đài PT&TH Hải Phòng;
- CPVP;
- Các CV UBND TP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Thành

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2746 /2015/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý các hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm: Các cấp sáng kiến; điều kiện xét công nhận sáng kiến; hội đồng sáng kiến; thẩm quyền công nhận sáng kiến; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân đối với sáng kiến; khiếu nại, tố cáo, hủy và phục hồi sáng kiến; các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ: *Sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tác giả sáng kiến, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, hoạt động sáng kiến, tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến* thực hiện theo Điều 2, 3 và 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến (sau đây viết tắt là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ), Điều 3 và 4 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 3. Các cấp sáng kiến

1. Sáng kiến cấp cơ sở: Là sáng kiến có tính cấp thiết, tính mới, tính sáng tạo, được áp dụng hoặc áp dụng thử và mang lại lợi ích thiết thực ở phạm vi cơ sở.

2. Sáng kiến cấp thành phố: Là sáng kiến có tính cấp thiết, tính mới, tính sáng tạo, được áp dụng hoặc áp dụng thử và mang lại lợi ích thiết thực ở phạm vi thành phố.

Điều 4. Nguyên tắc xét công nhận sáng kiến

1. Có tính cấp thiết đối với cơ sở, thành phố.

2. Có tính mới, tính sáng tạo ở phạm vi cơ sở, thành phố.
3. Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và mang lại lợi ích thiết thực ở phạm vi cơ sở, thành phố.
4. Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ.
5. Sáng kiến được xét công nhận vào cuối năm cùng với việc xét công nhận danh hiệu thi đua. Riêng lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, việc đăng ký và xét công nhận theo năm học.
6. Việc xét công nhận sáng kiến thực hiện ở cơ sở, thành phố. Sáng kiến đề nghị được xét công nhận ở cấp trên phải được công nhận và đề nghị của cấp dưới.
7. Có đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Chương II **HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN**

Điều 5. Hội đồng sáng kiến các cấp

1. Hội đồng xét công nhận sáng kiến theo 2 cấp: Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, Hội đồng sáng kiến cấp thành phố.
2. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do người đứng đầu cơ sở quyết định thành lập. Thành phần tham gia Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở gồm: Lãnh đạo đơn vị, Chủ tịch công đoàn, đại diện các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, cán bộ phụ trách thi đua – khen thưởng, người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến.
3. Hội đồng sáng kiến cấp thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng sáng kiến cấp thành phố gồm: Lãnh đạo Sở khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Ban Thi đua – Khen thưởng thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố, đại diện một số Sở, ban, ngành, quận huyện có liên quan, một số nhà khoa học, quản lý có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp.
4. Số lượng thành viên Hội đồng sáng kiến các cấp từ 5 đến 19 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng sáng kiến các cấp tùy theo quy mô và tính chất sáng kiến trình xét. Hội đồng có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, không quá 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác.
5. Hội đồng có Bộ phận thư ký, giúp việc. Bộ phận thư ký, giúp việc Hội đồng sáng kiến cấp thành phố do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Bộ phận thư ký, giúp việc Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do người đứng đầu cấp cơ sở quyết định thành lập.

Điều 6. Nhiệm vụ và chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến các cấp

1. Hội đồng sáng kiến thực hiện nhiệm vụ tư vấn, xét, thẩm định sáng kiến; tổ chức đánh giá khách quan, trung thực các giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến và lập biên bản đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả chấm điểm của Hội đồng.

2. Hội đồng sáng kiến làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về tính cấp thiết, tính mới, tính sáng tạo, khả năng áp dụng và hiệu quả kinh tế - xã hội của các sáng kiến trình xét. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

3. Ý kiến tư vấn của các thành viên Hội đồng thể hiện bằng điểm đánh giá cho mỗi sáng kiến. Điểm đánh giá sáng kiến được cho theo thang điểm 100. Điểm tối đa cho mỗi tiêu chí được quy định trong thang điểm. Kết quả công nhận sáng kiến được tính bằng điểm đánh giá chung của cả Hội đồng, được tính theo giá trị trung bình của tổng số điểm do các thành viên Hội đồng cộng trên phiếu đánh giá, thẩm định. Điểm đánh giá, thẩm định của mỗi thành viên Hội đồng được lưu giữ theo chế độ mật.

4. Phiên họp Hội đồng chỉ tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền và các ủy viên phản biện. Các thành viên vắng mặt phải gửi phiếu đánh giá, thẩm định cho Hội đồng.

Điều 7. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến

1. Mức chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến các cấp theo mức chi của Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp theo quy định.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được đảm bảo từ nguồn kinh phí của cơ sở. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp thành phố được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố.

Chương III CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 8. Yêu cầu công nhận, chấp thuận sáng kiến, tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

d) Tại cơ quan, đơn vị nơi công tác, làm việc.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

3. Cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, hỗ trợ tác giả sáng kiến hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến; xác nhận ngày nộp và trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm xem xét đơn, thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định.

Thủ tục tiếp nhận đơn thực hiện theo Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Việc chấp thuận xét công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thủ trưởng đơn vị cơ sở quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở và đề nghị công nhận sáng kiến cấp thành phố theo đề nghị của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở (nếu có yêu cầu).

Việc cấp giấy chứng nhận sáng kiến của cơ sở thực hiện theo Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận sáng kiến cấp thành phố trên cơ sở ý kiến của Hội đồng sáng kiến cấp thành phố và đề nghị, trình của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến

Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến được đánh máy, trình bày rõ ràng, không tẩy xóa trên khổ giấy A4, theo mẫu, gửi 02 bộ về Bộ phận thư ký, giúp việc Hội đồng các cấp theo thời gian quy định, gồm:

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

2. Văn bản đề nghị công nhận sáng kiến của cấp cơ sở kèm theo biên bản

và kết quả chấm điểm của Hội đồng sáng kiến cùng cấp (trường hợp đề nghị công nhận sáng kiến cấp thành phố).

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI SÁNG KIẾN; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO; HỦY VÀ PHỤC HỒI SÁNG KIẾN

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu đối với sáng kiến đã được công nhận; quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu đối với sáng kiến đã được công nhận; quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo Điều 9, 10, 11, 12, 13 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở nhận chuyển giao sáng kiến được giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Đối với các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước và hành vi của cán bộ, công chức vi phạm quy định quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến, việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 13. Quyết định hủy hoặc phục hồi sáng kiến

1. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cấp có thẩm quyền công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến theo quy định;

b) Giải pháp được công nhận là sáng kiến thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sáng kiến thì tùy theo mức độ sai phạm bị xử lý về hành chính, hủy giấy chứng nhận sáng kiến, thu hồi chế độ được hưởng hoặc truy cứu trách nhiệm.

3. Cấp nào có thẩm quyền công nhận sáng kiến thì cấp đó có thẩm quyền hủy, thu hồi sáng kiến, hiện vật khen thưởng, tiền thưởng.

4. Trường hợp bị xét quyết định hủy oan, sai được cơ quan có thẩm quyền xác minh sửa sai thì tổ chức, cá nhân được phục hồi và trao lại quyết định đã bị hủy, thu hồi.

Chương V

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 14. Phổ biến sáng kiến

1. Sở Khoa học và Công nghệ giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố, có trách nhiệm triển khai các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến:

a) Tổ chức các hoạt động dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 15. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Liên đoàn Lao động thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố, Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hải Phòng tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua lao động sáng tạo:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, Tuần lễ Sáng kiến, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua lao động sáng tạo.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ sở, cơ quan, đơn vị áp dụng các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương trước thời hạn, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hải Phòng, Liên đoàn Lao động thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố, Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố và các Sở, ban, ngành, quận, huyện định kỳ hàng năm tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến các cấp của thành phố.

Điều 16. Kinh phí cho hoạt động sáng kiến

1. Các khoản chi cho hoạt động sáng kiến:

a) Trả thù lao cho tác giả sáng kiến;

b) Trả tiền thưởng khuyến khích cho những người hỗ trợ tác giả và những người tham gia tổ chức áp dụng lần đầu sáng kiến;

c) Khen thưởng cho các đơn vị tổ chức hoạt động sáng kiến và tác giả sáng kiến;

d) Tổ chức các hoạt động về sáng kiến: Thông tin, tuyên truyền; tổ chức Hội đồng đánh giá sáng kiến; công bố, phổ biến, nhân rộng sáng kiến; tổ chức hội nghị, hội thảo, hội thi, triển lãm, tham quan khảo sát; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; đào tạo nghiệp vụ; xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về sáng kiến.

2. Nguồn kinh phí cho hoạt động sáng kiến:

a) Kinh phí chi trả thù lao cho tác giả sáng kiến, chi thưởng khuyến khích cho những người hỗ trợ tác giả và những người tham gia tổ chức áp dụng lần đầu sáng kiến được lấy từ tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến mang lại, hoặc theo thỏa thuận giữa các bên;

b) Kinh phí chi trả thù lao cho tác giả sáng kiến mà lợi ích thu được từ việc áp dụng sáng kiến không tính được thành tiền, chi thưởng khuyến khích cho người hỗ trợ tác giả và những người tham gia tổ chức áp dụng lần đầu sáng kiến được lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc nguồn kinh phí sự nghiệp (đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội), được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn (đối với các doanh nghiệp);

c) Kinh phí chi tổ chức các hoạt động sáng kiến, khen thưởng sáng kiến cấp cơ sở được lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc nguồn kinh phí sự nghiệp (đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội), được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn (đối với các doanh nghiệp);

d) Kinh phí chi cho tổ chức các hoạt động sáng kiến, khen thưởng sáng kiến cấp quận, huyện, ngành được lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc nguồn kinh phí sự nghiệp của quận, huyện, ngành;

đ) Kinh phí chi cho tổ chức các hoạt động sáng kiến, khen thưởng sáng kiến cấp thành phố được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố.

3. Việc lập dự toán, sử dụng kinh phí, quyết toán và kiểm tra các khoản chi cho hoạt động sáng kiến được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước tương ứng với mỗi nguồn tài chính được sử dụng để chi.

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức phong trào lao động sáng tạo, hoạt động sáng kiến

1. Sở Khoa học và Công nghệ giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố, có trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các chủ trương, chính sách, cơ chế, chương trình, kế hoạch khuyến khích phát triển phong trào lao động sáng tạo, các hoạt động sáng kiến; ban hành các văn bản pháp luật quy định có liên quan;

b) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, cơ chế, chương trình, kế hoạch khuyến khích phát triển phong trào lao động sáng tạo, các hoạt động sáng kiến; các quy định của pháp luật về sáng kiến;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách, cơ chế, chương trình, kế hoạch khuyến khích phát triển phong trào lao động sáng tạo, các hoạt động sáng kiến; các quy định của pháp luật về sáng kiến;

d) Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động sáng kiến trên địa bàn theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hải Phòng, Liên đoàn Lao động thành phố, Đoàn

Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố, Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố có trách nhiệm tổ chức phong trào lao động sáng tạo, các hoạt động sáng kiến trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách; báo cáo định kỳ hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp theo quy định.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có trách nhiệm tổ chức phong trào lao động sáng tạo, các hoạt động sáng kiến trong cơ quan, đơn vị mình.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này; ban hành hướng dẫn cần thiết cho việc thực hiện.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này tại cơ quan, đơn vị, lĩnh vực, địa phương mình; ban hành các hướng dẫn, chỉ đạo phù hợp.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Thành